

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: “Hủy việc kết hôn trái pháp luật”

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phan Hồng Ngoãn

Thư ký phiên họp: Ông Hồ A Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3-Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lai Châu tham gia phiên họp: Bà Đặng Ngọc Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3- Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “Hủy việc kết hôn trái pháp luật”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn số: 03/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1, Người yêu cầu: bà Tẩn Mỹ Q, sinh năm 1963; địa chỉ: bản D, xã S H, tỉnh Lai Châu; vắng mặt có lý do.

2, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Chị Tẩn Thị M, sinh ngày 02/8/1986; địa chỉ: bản D, xã S H, tỉnh Lai Châu; vắng mặt có lý do.

2.2. Anh Tẩn Yêu C, sinh ngày 10/9/1985; địa chỉ: bản S T Ng, xã S H, tỉnh Lai Châu; vắng mặt có lý do.

2.3. Ủy ban nhân dân xã S H, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo pháp luật ông Lê bá S – Chủ tịch UBND xã S H, tỉnh Lai Châu; địa chỉ trụ sở: Khu 3, xã S H, tỉnh Lai Châu; vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 16/6/2025, biên bản lấy khai của bà Tẩn Mỹ Q, trình bày:

Bà Tẩn Mỹ Q có con gái tên là Tẩn Thị M, sinh ngày 02/8/1985 kết hôn với con rể là anh Tẩn Yêu C, vào ngày 01/9/2003, tại Ủy ban nhân dân xã Ph S L, huyện S H, tỉnh Lai Châu (nay là xã S H, tỉnh Lai Châu). Theo giấy kết hôn số 03 ngày 01/9/2003 do UBND xã Ph S L, huyện S H, tỉnh Lai Châu cấp, trên cơ sở tự

nguyện tìm hiểu nhau, yêu thương nhau và kết hôn với nhau, không bị ai ép buộc. Do không am hiểu về pháp luật nên anh C và chị M khi đến UBND xã Ph S L để đăng ký kết hôn anh chị không mang theo giấy tờ tùy thân gì, cán bộ tư pháp cũng không yêu cầu anh chị phải nộp bất kỳ giấy tờ gì, mà chỉ hỏi ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú sau đó thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh chị. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị M và anh C chung sống với nhau rất hạnh phúc. Tuy nhiên do mâu thuẫn trong việc tình cảm nên anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không hòa giải được, cuộc sống không có hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân tằm trong khoảng 10 năm nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không thường xuyên liên lạc, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thể chung sống được với nhau được. Vì vậy anh chị quyết định làm thủ tục ly hôn. Trong quá trình chuẩn bị các loại giấy tờ để làm thủ tục ly hôn anh chị mới biết khi thực hiện việc đăng ký anh C mới 17 tuổi 11 tháng 22 ngày chưa đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, bà Tẩn Mỹ Q đã làm đơn đề nghị Tòa án xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật cho con gái Tẩn Thị M và con rể Tẩn Yêu C theo giấy chứng nhận kết hôn số 03/2023 ngày 01/9/2003 của Ủy ban nhân dân xã Ph S L, huyện S H, tỉnh Lai Châu (nay là xã S H, tỉnh Lai Châu) và không công nhận anh Tẩn Yêu C và chị Tẩn Thị M là vợ chồng theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống anh Tẩn Yêu C và Tẩn Thị M có 02 con chung là cháu Tẩn Mí Thu, sinh ngày 03/8/2003 và cháu Tẩn Anh Tuấn, sinh ngày 13/11/2006. Do hai cháu đều đã thành niên và tự đi làm thuê để kiếm sống cho bản thân các cháu nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; về tài sản chung, khoản nợ chung: anh C và chị M không có tài sản chung, khoản nợ chung nên bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và đơn xin vắng mặt của chị Tẩn Thị M, chị M trình bày như sau: chị và Tẩn Yêu C, đi đăng ký kết hôn vào ngày 01/9/2003, tại Ủy ban nhân dân xã Ph S L, huyện S H, tỉnh Lai Châu (nay là xã S H, tỉnh Lai Châu). Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau, yêu thương nhau và kết hôn với nhau, không bị ai ép buộc. Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị M không biết anh C bao nhiêu tuổi cả, chị M chỉ nghe anh C nói với chị là anh C đủ tuổi để đi đăng ký kết hôn với chị. Khi đi đăng ký kết hôn anh chị không mang theo những loại giấy tờ gì, vì bản thân vợ chồng anh chị không được học hành, không được ai tuyên truyền pháp luật nên khi đi đăng ký kết hôn anh chị không mang theo giấy tờ gì mà chỉ khai bằng miệng với cán bộ xã về họ tên và ngày tháng năm sinh. Trong thời gian sống chung với anh Tẩn Yêu C, anh chị có 02 con chung là cháu Tẩn Mí Thu, sinh ngày 03/8/2003 và cháu Tẩn Anh Tuấn, sinh ngày 13/11/2006. Hiện nay các cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi, các cháu đã đi làm và tự lo được cho bản thân các cháu nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; về tài sản chung, khoản nợ chung anh chị không có tài sản chung, khoản nợ chung nên chị M không yêu cầu tòa án giải quyết. Do vợ chồng anh chị sống không hợp nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn. Vì vậy chị M không yêu cầu Tòa án công nhận anh chị là vợ chồng hợp pháp kể từ ngày anh C đủ

tuổi. Chị M nhất trí toàn bộ nội dung đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà Tần Mỹ Q gửi cho tòa án và không có yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai và đơn xin vắng mặt của anh Tần Yêu C, trình bày như sau: anh Tần Yêu C, sinh ngày 10/9/1985, hiện nay anh và chị M đã sống ly thân, không còn chung sống với nhau hơn 10 năm nay, lý do không hợp tính cách của nhau, không ai quan tâm đến nhau, ít điện thoại và không gặp nhau nữa. Anh Tần Yêu C và chị Tần Thị M, sau một thời gian tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn vào ngày 01/9/2003, tại Ủy ban nhân dân xã Ph S L, huyện S H, tỉnh Lai Châu. Trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Khi đi đăng ký kết hôn do không được tuyên truyền pháp luật nên anh chị không mang theo giấy tờ gì để đi đăng ký kết hôn cả. AnhC không biết anh chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn, khi đến Ủy ban nhân dân xã anh chỉ được cán bộ hỏi về năm sinh, tháng sinh và ngày sinh, sau đó cán bộ xã đăng ký kết hôn cho anh chị mà thôi. Trong thời gian sống chung với chị M, anh chị có 02 con chung là cháu Tần Mí Th , sinh ngày 03/8/2003 và cháu Tần Anh T , sinh ngày 13/11/2006. Hiện nay các cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi, các cháu đã đi làm và tự lo được cho bản thân các cháu nên anhC không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; về tài sản chung, khoản nợ chung anh chị không có tài sản chung, khoản nợ chung nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vợ chồng anh chị sống ly thân đã lâu, đến nay không còn tình cảm với nhau nữa, Do vậy anhC không yêu cầu Tòa án công nhận anh chị là vợ chồng hợp pháp theo quy định của pháp luật. AnhC nhất trí theo đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà Tần Mỹ Q và không có ý kiến gì thêm.

Tại biên bản xác M, đồng chí Chèo Liễu P , Chánh văn phòng UBND xã S H, tỉnh Lai Châu cho biết: Ủy ban nhân dân xã đã nhận được thông báo thụ lý vụ việc dân sự và nắm được quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng trước ngày 01/7/2025. Chúng tôi đã kiểm tra và rà soát lại các thông tin của anhC và chị M trong sổ, đúng là chị M và anhC có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph S L, huyện S H, tỉnh Lai Châu. Hiện nay hồ sơ đăng ký kết hôn của chị M và anhC, UBND xã không lưu được vì thời gian đã lâu, Hồ sơ bị hư hỏng hoặc thất lạc, do đó không thể cung cấp được hồ sơ cho Tòa án. Việc đăng ký của anhC và chị M có đảm bảo quy định của pháp luật hay không chúng tôi không nắm rõ vì không có hồ sơ nên không thể đánh giá tính hợp pháp của hồ sơ theo quy định. Tuy nhiên việc UBND xã cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anhC và chị M, thời điểm anhC chưa đủ tuổi là trái với quy định của Pháp luật. Do đó, yêu cầu của bà Tần Mỹ Q là có căn cứ nên đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu của bà Q theo quy định của Pháp Luật. Thời điểm anhC và chị M đăng ký kết hôn là vào năm 2003, theo số đăng ký kết hôn số 77, 2001, về thông tin đăng ký kết hôn của anhC và chị M, có đồng chí Tần A Sơn, chức vụ: Phó chủ tịch xã Phăng Sơn Lin là người ký xác nhận cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Ông Sơn đã nghỉ hưu, hiện nay chúng tôi không nắm được ông Sơn đang ở địa chỉ nào để cung cấp cho Tòa án. Người thực hiện các thủ tục đăng ký kết hôn cho anhC và chị M là ông Triệu Hữu K - Công chức tư pháp, hiện nay ông K đã chết; bà Chèo Mỹ Q - Công chức Tư pháp xã S H, tỉnh Lai Châu, cho biết:

Qua kiểm tra và rà soát thông tin về đăng ký khai sinh trong các sổ đăng ký khai sinh do UBND xã quản lý lưu trữ, không có thông tin đăng khai sinh của anh C và chị M trên hệ thống dữ liệu điện tử cũng không có thông tin gì nên không thể xác định được độ tuổi chính xác của anh C và chị M để cung cấp cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Lê Bá S, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S H, tỉnh Lai Châu, trình bày: Ủy ban nhân dân xã S H, tỉnh Lai Châu thành lập trên cơ sở sát nhập các đơn vị cấp như xã Ph S L, xã Tả Phìn, xã Sà Dề Phìn trước đây. Thông báo thụ lý vụ việc UBND xã Ph S L đã nhận được chúng tôi không có ý kiến gì. Việc chị Tẩn Thị M và anh Tẩn Yêu C được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 01/9/2003 bắt buộc phải đảm bảo các điều kiện và yêu cầu của pháp luật. Tuy nhiên trên thực tế UBND xã Ph S L cấp giấy chứng nhận kết hôn trên cho anh C và chị M đối chiếu với độ tuổi trong Giấy chứng nhận kết hôn chưa đủ tuổi kết hôn. Thời điểm đăng ký anh C chưa đủ tuổi kết hôn, việc đăng ký kết hôn cho anh C và chị M là trái quy định của pháp luật. UBND xã S H, tỉnh Lai Châu xét thấy Yêu cầu của bà Tẩn Mỹ Q là có căn cứ. UBND xã đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3- Lai Châu xem xét các quy định của pháp luật giải quyết vụ việc theo quy định.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- tỉnh Lai Châu. Sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên họp phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát như sau: Thẩm phán, Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự được đảm bảo.

Anh Tẩn Yêu C và chị Tẩn Thị M đăng ký kết hôn ngày 01/9/2003 khi anh C mới được 17 tuổi 11 tháng 22 ngày, chưa đảm bảo quy định về độ tuổi được đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, UBND xã Ph S L thực hiện cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh chị là vi phạm quy định của pháp luật. Việc bà Tẩn Mỹ Q, mẹ đẻ của chị Tẩn Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện S H (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3) huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Tẩn Thị M và anh Tẩn Yêu C là đúng quy định.

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 367, 369 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 11, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Tẩn Mỹ Q: Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Tẩn Thị M và anh Tẩn Yêu C, theo Giấy chứng nhận

kết hôn số: 03/2003, ngày 01/9/2003 của UBND xã Ph S L, huyện S H, tỉnh Lai Châu cấp.

Về con chung: chị Tần Thị M và anh Tần Yêu C có 02 con chung là cháu Tần Mí Th , sinh ngày 03/8/2003 và cháu Tần Anh T , sinh ngày 13/11/2006. Hiện nay các cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị Tần Thị M và anh Tần Yêu C không có tài sản chung, khoản nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Tần Mý Q không phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

UBND xã S H, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Tần Yêu C và chị Tần Thị M theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của người yêu cầu, ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lai Châu tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 3- Lai Châu nhận định như sau:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1]. Bà Tần Mý Q là mẹ đẻ của chị Tần Thị M nên bà Q có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Tần Thị M và anh Tần Yêu C theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2]. Bà Tần Mý Q yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, giữa chị Tần Thị M và anh Tần Yêu C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2003, ngày 01/9/2003 của UBND xã Ph S L, huyện S H, tỉnh Lai Châu (theo trích lục kết hôn số 14/2025/TLKH-BS ngày 29/4/2025) cấp. Đây là việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại UBND xã Ph S L, huyện S H, tỉnh Lai Châu (nay là xã S H, tỉnh Lai Châu) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3- Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung 1 số điều của Bộ Luật tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa Thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, ngày 25/6/2025 (Luật số 85/2025/QH 15 có hiệu lực từ 01.7. 2025).

Quá trình chuẩn bị xét đơn yêu cầu và tại phiên họp ngày hôm nay các đương sự đều thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

[1.3]. Sự vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ việc dân sự Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho người yêu cầu, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng

theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Người yêu cầu, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt. Do đó, Tòa án tiếp tục phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn đảm bảo quyền lợi theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4]. Theo Giấy chứng nhận kết hôn, anh Tân Yêu C, sinh ngày 10/9/ 1985. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, ngày 01/9/2003 anh Tân Yêu C mới có 17 tuổi 11 tháng 22 ngày, chưa đủ điều kiện kết hôn. Do đó, việc Ủy ban nhân dân xã Ph S L, huyện S H, tỉnh Lai Châu (nay là xã S H, tỉnh Lai Châu) làm các thủ tục đăng ký kết hôn mà không yêu cầu các đương sự cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh độ tuổi cho anhC và chị M. UBND xã đã ban hành và cấp cho chị Tân Thị M và anh Tân Yêu C, Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2003, ngày 01/9/2003 của UBND xã Ph S L, huyện S H, tỉnh Lai Châu (Trích lục kết hôn số 14/2025/TLKH-BS ngày 29/4/2025), là trái với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung việc dân sự: chị Tân Thị M và anh Tân Yêu C, đăng ký hôn tại UBND xã Ph S L, huyện S H, tỉnh Lai Châu vào ngày 01/9/2003 trên cơ sở tình nguyện, không bị ai ép buộc và được ông Triệu Hữu Kim - Công chức Tư pháp- hộ tịch UBND xã Ph S L thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn cho anhC và chị M. Ông Sơn không yêu cầu anhC, chị M cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh độ tuổi cho anhC và chị M đầy đủ các thông tin, nhưng ông Sơn đã ghi thông tin: Anh Tân Yêu C, sinh ngày 10/9/1985 và chị Tân Thị M, sinh ngày 02/8/1985 vào trang số 01 của sổ đăng ký kết hôn của UBND xã Ph S L (nay là xã S H, tỉnh Lai Châu). Do hiện nay ông Triệu Hữu K đã chết, Tòa án không xác minh được lời khai của ông Kim, song qua xác minh thực tế tại UBND xã S H, tỉnh Lai Châu. Ông Chèo Liều Pao, cho biết: Việc đăng ký của anhC và chị M có đảm bảo quy định của pháp luật hay không, chúng tôi không nắm rõ vì không có hồ sơ không lưu trữ được vì thời gian đã lâu hồ sơ bị hư hỏng hoặc thất lạc nên không thể đánh giá tính hợp pháp của hồ sơ theo quy định. Tuy nhiên việc UBND xã cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anhC và chị M, thời điểm anhC chưa đủ tuổi là trái với quy định của Pháp luật. Do đó, yêu cầu của bà Tân Mỹ Q là có căn cứ nên đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu của bà Q theo quy định của Pháp Luật. Tính đến ngày đăng ký kết hôn vào ngày 01/9/2003, anh Tân Yêu C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, anhC mới có 17 tuổi 11 tháng 22 ngày.

Như vậy việc Ủy ban nhân dân xã Ph S L (nay là xã S H, tỉnh Lai Châu) chỉ căn cứ vào lời khai của anh Cuối, chị M để làm thủ tục Đăng ký kết hôn ghi ngày tháng năm sinh của anhC và chị M mà không yêu cầu anh Cuối, chị M xuất trình các giấy tờ tùy thân hoặc xác minh để làm rõ ngày, tháng, năm sinh của anhC, chị M nên dẫn đến việc đăng ký kết hôn cho anhC với chị M là không hợp pháp, đã vi phạm quy định về độ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000: *“Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên”*. Bà Tân Mỹ Q là mẹ đẻ của chị M có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Tân Yêu Cuối và chị Tân Thị M là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về con chung: chị Tần Thị M và anh Tần Yêu C, anh chị có 02 con chung là cháu Tần Mí Th, sinh ngày 03/8/2003 và cháu Tần Anh T, sinh ngày 13/11/2006. Hiện nay các cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi, các cháu đã đi làm và tự lo được cho bản thân các cháu nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; về tài sản chung, khoản nợ chung: chị Tần Thị M và anh Tần Yêu C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Tần Mỹ Q không phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo Quyết định này theo quy định tại Điều 372 và Điều 373 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về kiến nghị: Để bảo đảm phòng ngừa vi phạm pháp luật trong việc đăng ký kết hôn và cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Tòa án nhân dân khu vực 3- Lai Châu kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S H, tỉnh Lai Châu chỉ đạo, kiểm tra, thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đồng thời có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục vi phạm đảm bảo thủ tục cấp giấy chứng nhận kết hôn được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đề nghị UBND xã S H, tỉnh Lai Châu thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Tần Yêu C và chị Tần Thị M theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên họp, Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lai Châu, Kiểm sát viên đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ việc dân sự là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ việc, vì vậy cần được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 361, 362, 366, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 3 Điều 15, Điều 16, Điều 17 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; các Điều 8, 10, 11, 12, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 3, Điều 30 Luật Hộ tịch năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình 2000; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung 1 số điều của Bộ Luật tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa Thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, ngày 25/6/2025 (Luật số 85/2025/QH 15 có hiệu lực từ 01.7. 2025); điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Tần Mỹ Q: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Tần Thị M và anh Tần Yêu C, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2003, ngày 01/9/2003 (trích lục kết hôn số 14/2025/TLKH-BS ngày 29/4/2025), của UBND xã Ph S L, huyện S H, tỉnh Lai Châu (nay là xã S H, tỉnh Lai Châu), cấp.

Về con chung, về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: bà Tân Mỹ Q, thuộc trường hợp không phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Về kiến nghị: Đề bảo đảm phòng ngừa vi phạm pháp luật trong việc đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn. Tòa án nhân dân khu vực 3- Lai Châu kiến nghị chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S H chỉ đạo, kiểm tra, thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đồng thời có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục vi phạm đảm bảo thủ tục cấp giấy chứng nhận kết hôn được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đề nghị UBND xã S H, tỉnh Lai Châu thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Tân Thị M và anh Tân Yêu C, theo quy định của pháp luật.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự. Trường hợp họ không có mặt tại phiên họp thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện S H;
- UBND xã S H, tỉnh lai châu;
- Chủ tịch UBND xã S H, tỉnh Lai Châu (để chỉ đạo thực hiện kiến nghị);
- Anh Tân Yêu C, chị Tân Thị M;
- Bà Tân Mỹ Q;
- Lưu, Hồ sơ vụ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phan Hồng Ngoãn